

**GIÁ TRỊ VÀ SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN**

**QUAN ĐIỂM VỀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA  
XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG CUỐN SÁCH  
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ  
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN  
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM  
CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG**

**Trần Ngọc Sơn<sup>(\*)</sup>**

<sup>(\*)</sup> Tiến sĩ, Học viện Chính trị khu vực III.

Email: tngocson040@gmail.com

Nhận bài ngày 02 tháng 12 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 05 tháng 01 năm 2024.

**Tóm tắt:** Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được chủ nghĩa Mác - Lênin xác định là một giai đoạn tất yếu, là quy luật phổ biến đối với tất cả các nước lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Việc nhận thức và vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã được Đảng Cộng sản Việt Nam đúc rút nhiều bài học quý báu và đạt được những thành công hết sức quan trọng trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**Từ khóa:** thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong cuốn sách *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia phát hành năm 2022, có đoạn viết: “càng đi vào chỉ đạo thực tiễn, Đảng ta càng nhận thức được rằng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp, vì nó phải tạo sự biến đổi sâu sắc về chất trên

tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất rất thấp, lại trải qua mấy chục năm chiến tranh, hậu quả rất nặng nề; các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại cho nên lại càng khó khăn, phức tạp, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước đi, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen

nhau, có sự đấu tranh giữa cái cũ và cái mới” (Nguyễn Phú Trọng 2022: 25).

Để nghiên cứu, trao đổi quan điểm trên, chúng ta cần xem xét hai vấn đề cơ bản sau đây: 1/ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; 2/ sự vận dụng của Đảng ta về lý luận thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (được đề cập trong bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng).

### **1. Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

Lý luận về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một trong những nội dung quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin, chỉ giai đoạn chuyển tiếp còn đan xen những yếu tố, đặc điểm của hai hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn thấp là xã hội xã hội chủ nghĩa) với hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa. Sự ra đời học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác và Ph.Ăngghen đã đánh dấu một bước nhận thức mới, thực sự khoa học về lịch sử nhân loại. Với quan điểm *sản xuất vật chất* là cơ sở của đời sống xã hội, *phương thức sản xuất* quyết định các mặt của đời sống xã hội, đồng thời cũng là cơ sở *quyết định sự hình thành, phát triển và thay thế* lẫn nhau giữa các hình thái kinh tế - xã hội, các ông cho rằng, xã hội loài người đã và sẽ tuân tự trải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội từ thấp đến cao, trong đó hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa là hình thái cuối cùng, tiến

bộ nhất trong lịch sử loài người<sup>1</sup>. Sự chuyển tiếp giữa các hình thái kinh tế - xã hội chính là *thời kỳ quá độ*. Với quan niệm về hai giai đoạn của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa: giai đoạn thấp tương ứng với *chủ nghĩa xã hội* hay *xã hội xã hội chủ nghĩa*, giai đoạn cao là *chủ nghĩa cộng sản* hay *xã hội cộng sản chủ nghĩa*, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản có một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia..., một thời kỳ quá độ về chính trị..., chuyển chính cách mạng của giai cấp vô sản, và đó là “những cơn đau đẻ kéo dài”. Trong *Phê phán Cương lĩnh Gôta*, C.Mác viết: “giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là *nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995: 47). Theo đó, thời kỳ này có những đặc điểm: i) do xã hội vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, nên mọi mặt của nó, về kinh tế, đạo đức và tinh thần,... *vẫn còn mang những dấu vết* của xã hội cũ - xã hội tư bản chủ

---

<sup>1</sup> Năm hình thái kinh tế - xã hội theo C.Mác và Ph.Ăngghen là: hình thái kinh tế - xã hội cộng sản nguyên thủy (công xã nguyên thủy); hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ; hình thái kinh tế - xã hội phong kiến; hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa và hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

nghĩa; ii) là thời kỳ *cải biến sâu sắc và triệt để* từ xã hội tư bản chủ nghĩa sang xã hội xã hội chủ nghĩa, nên công cụ để thực hiện điều này là *nhà nước chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*; iii) do *tính khó khăn, phức tạp* của thời kỳ quá độ, nên đây là thời kỳ của “*sau những cơn đau để kéo dài*” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995: 36). Quan điểm của các ông là thời kỳ quá độ từ xã hội tư bản chủ nghĩa sang xã hội cộng sản chủ nghĩa chỉ xuất hiện ở những nước tư bản chủ nghĩa đã phát triển cao nhất. Để thực hiện bước quá độ này tất yếu phải thực hiện cuộc cách mạng vô sản và thiết lập chuyên chính vô sản. Đây thực chất là sự quá độ trực tiếp từ những nước tư bản đã phát triển hết mức trong khuôn khổ hình thái kinh tế - xã hội của nó.

Vận dụng lý luận của C.Mác và Ph.Ăngghen vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga sau Cách mạng tháng Mười (1917), V.I.Lênin đã phát triển lý luận về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Theo ông, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là tất yếu, khách quan đối với mọi nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, song đối với những nước có lực lượng sản xuất phát triển cao thì thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội có nhiều thuận lợi hơn, có thể ngắn hơn so với những nước đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Theo V.I.Lênin, “về lý luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa chủ nghĩa

tư bản và chủ nghĩa cộng sản, có một thời kỳ quá độ nhất định. Thời kỳ đó không thể không bao gồm những đặc điểm hoặc đặc trưng của cả hai kết cấu kinh tế xã hội ấy. Thời kỳ quá độ ấy không thể nào lại không phải là một thời kỳ đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản đang giãy chết và chủ nghĩa cộng sản đang phát sinh, hay nói một cách khác, giữa chủ nghĩa tư bản đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt hẳn, và chủ nghĩa cộng sản đã phát sinh nhưng vẫn còn rất non yếu” (V.I.Lênin 1977a: 309-310). Đây là thời kỳ mà trong lĩnh vực kinh tế “có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội” (V.I.Lênin 1977a: 362). Ông cho rằng, thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội có 4 đặc điểm sau: (i) xét về mọi mặt của đời sống xã hội, đều do *nhều thành phần không thuần nhất* tạo nên, đó là thời kỳ *có sự đan xen, thâm nhập lẫn nhau* giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội; (ii) sự phát triển của cái cũ, của những trật tự cũ *đôi khi lấn át* những mầm mống của cái mới, những trật tự mới; (iii) xét về mọi phương diện, đều có sự phát triển của tính tự phát tiểu tư sản, là thời kỳ chứa đựng *mâu thuẫn không thể dung hòa* giữa tính kỷ luật nghiêm ngặt của giai cấp vô sản và tính vô chính phủ, vô kỷ luật của các tầng lớp tiểu tư sản, đây là một trong những điểm nổi bật của giai đoạn quá độ; (iv) là thời kỳ *lâu dài*, có rất *nhều khó khăn, phức tạp*, phải trải

qua nhiều lần thử nghiệm để rút ra những kinh nghiệm, hướng đi đúng đắn, tuy nhiên, trong quá trình thử nghiệm *có thể phải trả giá* cho những sai lầm nghiêm trọng (Nguyễn Trọng Chuẩn và cộng sự 1997: 162-163). V.I.Lênin phân chia quá trình hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội chủ nghĩa cộng sản thành 3 giai đoạn: (i) giai đoạn “những cơn đau đẻ kéo dài”, tức “thời kỳ quá độ” từ chủ nghĩa tư bản đi lên chủ nghĩa xã hội; (ii) giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa, hay còn gọi là giai đoạn thấp, tương ứng là xã hội xã hội chủ nghĩa; (iii) giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa, chính là xã hội cộng sản chủ nghĩa (hay chủ nghĩa cộng sản) đã ở mức độ hoàn bị đúng bản chất của nó.

Như vậy, “thời kỳ quá độ” là một *giai đoạn độc lập, có vị trí riêng biệt* nằm giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Nó chưa phải là chủ nghĩa xã hội và cũng không nằm ở giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản. Đây là một nhận thức quan trọng trong cả lý luận và thực tiễn, cho phép những người cộng sản xác định được đặc điểm, nội dung và nhiệm vụ, mục đích của thời kỳ quá độ cũng như các giai đoạn tiếp theo sau thời kỳ quá độ.

Tính chất lâu dài, khó khăn và phức tạp của thời kỳ quá độ được V.I.Lênin chỉ rõ và theo ông, nó được quy định, phụ thuộc bởi xuất phát điểm từ những tiền đề về kinh tế, văn hóa, xã hội khi bước vào thời kỳ quá độ của mỗi quốc gia cụ thể. V.I.Lênin viết: “...tất yếu phải

có một thời kỳ quá độ lâu dài và phức tạp từ xã hội tư bản chủ nghĩa (xã hội đó càng ít phát triển, thì thời kỳ đó càng dài)... tiến lên xã hội cộng sản chủ nghĩa” (V.I.Lênin 1977b: 197). Như vậy, bản thân những nước quá độ từ chủ nghĩa tư bản đã cần có thời kỳ quá độ khá lâu dài thì đối với những nước có điểm xuất phát thấp hơn chủ nghĩa tư bản (tiền chủ nghĩa tư bản) lại càng cần phải có một thời kỳ quá độ lâu dài hơn nhiều lần. Điều này hoàn toàn đúng về tính quy luật và tính khách quan. Theo tính quy luật thì chủ nghĩa xã hội ra đời trên cơ sở của sự phát triển đến đỉnh cao của chủ nghĩa tư bản; song về khách quan, chủ nghĩa xã hội cũng có thể ra đời từ xuất phát điểm thấp hơn chủ nghĩa tư bản khi những tiền đề cho sự ra đời xuất hiện và thời cơ chín muồi. Đó chính là những khả năng, những con đường hiện thực ra đời một cách tất yếu của xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa.

Với nhận thức như vậy, V.I.Lênin luận giải hai hình thức quá độ từ chủ nghĩa tư bản đi lên chủ nghĩa xã hội: *một là*, quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ những nước tư bản đã phát triển, còn gọi là hình thức quá độ trực tiếp; *hai là*, quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ những nước chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, còn gọi là hình thức quá độ gián tiếp. Cả hai hình thức này trong thời kỳ quá độ đều đan xen “những mảnh”, “những yếu tố” của xã hội mới và xã hội cũ. Những yếu tố mới, tiến bộ còn non trẻ và đang

phát triển; những yếu tố cũ đã lạc hậu, yếu ớt cố giành lại ảnh hưởng trong lòng xã hội mới, tạo ra một thời kỳ đấu tranh lâu dài giữa những yếu tố cũ và mới. Riêng hình thức thứ hai thì thời kỳ quá độ sẽ rất lâu dài, phải trải qua nhiều bước đi thích hợp với một khối lượng công việc to lớn bao gồm những nội dung cơ bản của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải biết kế thừa những thành tựu căn bản của chủ nghĩa tư bản. Điều này được V.I.Lênin ví như việc “bắc những nhịp cầu nho nhỏ” để từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội.

## **2. Sự vận dụng lý luận về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng ta vào điều kiện Việt Nam**

Việc nhận thức và vận dụng lý luận về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một quá trình sáng tạo, bổ sung, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện trong từng giai đoạn ngày càng rõ ràng và đúng đắn hơn, thể hiện ở một số điểm sau:

*Thứ nhất, về tính chất lâu dài, khó khăn và phức tạp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.* Trang 25 cuốn sách đã dẫn của Tổng Bí thư, có đoạn viết: “càng đi vào chỉ đạo thực tiễn, Đảng ta càng nhận thức được rằng, *quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp, vì nó phải tạo sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội*”. Nhận thức này không phải bây giờ

mới có, mà ngay từ khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định rõ con đường cách mạng của nước ta là “*làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*”. Đối với nhiệm vụ tiến lên xã hội cộng sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, do điều kiện đặc thù của nước ta nên “*tiến lên chủ nghĩa xã hội, không thể một sớm một chiều*”, mà cần thực hiện từng bước trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, sau hòa bình lập lại ở miền Bắc (1954), do chủ quan, duy ý chí và mong muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội một cách nhanh chóng ở miền Bắc, Hội nghị Trung ương 13 khóa II (12-1957), đã nhấn mạnh *quan điểm quá độ trực tiếp* thay thế cho *quan điểm quá độ dần dần, từng bước* (Đảng Cộng sản Việt Nam 1957). Quan điểm này được duy trì trong giai đoạn trước đổi mới và đạt được những thành tựu nhất định trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là huy động được sức người, sức của phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tuy nhiên, do duy trì quá lâu nên đã phát sinh những hệ quả tiêu cực. Đến cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX, Việt Nam rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng. Bằng việc nhìn thẳng vào sự thật, Đại hội VI đã rút ra 4 bài học kinh nghiệm, trong đó khẳng định: “Đảng phải luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan” (Đảng Cộng sản Việt Nam 1986:

30); và, nhận định thời kỳ quá độ ở nước ta “là một thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để nhằm xây dựng từ đầu một chế độ xã hội mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng” (Đảng Cộng sản Việt Nam 1986: 41). Nhận thức này đã khắc phục được tư tưởng chủ quan, nóng vội, giản đơn về thời kỳ quá độ.

Tại Đại hội VII năm 1991, Đảng ta chỉ rõ trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta “đã phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan: nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần; có lúc đẩy mạnh quá mức việc xây dựng công nghiệp nặng; duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp;...” (Đảng Cộng sản Việt Nam 1991: 1). Cương lĩnh năm 1991 nêu rõ, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong “*hoàn cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc*” nên cần phải trải qua *quá trình lâu dài với nhiều chặng đường*. Đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, trên cơ sở tổng kết 15 năm đổi mới, Đảng ta một lần nữa khẳng định: thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là sự nghiệp *rất khó khăn, phức tạp, phải trải qua một thời kỳ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ*.

*Thứ hai, về nội dung quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.*

Cũng ở trang 25 cuốn sách đã dẫn, Tổng Bí thư đã nêu rõ: “*Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất rất thấp, lại trải qua mấy chục năm chiến tranh, hậu quả rất nặng nề*”. Trước Đại hội IX (2001), các văn kiện của Đảng nhân mạnh, Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội “bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa” hoặc “không trải qua chủ nghĩa tư bản”. Tuy nhiên, nhận thức việc bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa là bỏ qua cái gì, bỏ qua như thế nào thì còn chung chung, thiếu tính cụ thể, rõ ràng. Thực tế cho thấy trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trước đổi mới, chúng ta đã chủ quan, duy ý chí, tách biệt hoàn toàn mối quan hệ giữa các hình thái kinh tế - xã hội, giữa các chế độ xã hội; phủ nhận, bỏ qua những thành quả mà nhân loại đã đạt được trong chủ nghĩa tư bản, nhất là lực lượng sản xuất, khoa học - kỹ thuật... Điều này đã làm mất đi các “*tiềm năng*” cho sự phát triển xã hội. Đến Đại hội IX, trên cơ sở đổi mới tư duy, rút ra những bài học kinh nghiệm, Đảng ta đã khẳng định, việc “bỏ qua chủ nghĩa tư bản” trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa,

đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2001: 84). Điều này, một lần nữa, được khẳng định trong bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “nói bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua chế độ áp bức, bất công, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua những thói hư tật xấu, những thiết chế, thể chế chính trị không phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa, chứ không phải bỏ qua cả những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên, việc kế thừa những thành tựu này phải có chọn lọc trên quan điểm khoa học, phát triển” (Nguyễn Phú Trọng 2022: 25). Đây thực chất là bước *phát triển mới trong nhận thức* về bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Nhận thức này đã trực tiếp khẳng định trên hai phương diện: *một là*, xét trên cơ sở lý luận hình thái kinh tế - xã hội thì việc bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua việc *xác lập vị trí thống trị* của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa; *hai là*, xét theo dòng chảy và tiến bộ lịch sử thì chủ nghĩa xã hội là nấc thang cao hơn chủ nghĩa tư bản nên cần tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được trong chủ nghĩa tư bản. Trong thực tiễn, Đảng ta đã thể hiện rõ nhận thức về bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua chế độ áp bức, bất công, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua thể chế chính trị, luật pháp không phù hợp

với chế độ xã hội chủ nghĩa, chứ không bỏ qua những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản.

*Thứ ba, về mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của chặng đường đầu thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.*

Sau năm 1975, chủ trương, đường lối được Đại hội IV xác định là nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng (Đảng Cộng sản Việt Nam 1977: 67), trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa,... Mục tiêu tổng quát trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ được xác định là: “*ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo*” (Đảng Cộng sản Việt Nam 1986: 42). Tuy nhiên, thực tế cho thấy, sự chủ quan, duy ý chí trong việc đề ra đường lối, mục tiêu mà không tuân theo quy luật, thiếu những đánh giá khách quan về tình hình cụ thể đã đem lại kết quả không như mong đợi. Vì vậy, trên cơ sở nhìn nhận lại tính chất và đặc điểm của thời kỳ quá độ, đánh giá các thành quả và hạn chế trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đó, *Cương*

*lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991) xác định rõ mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở Việt Nam là: “xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh” (Đảng Cộng sản Việt Nam 1991: 13-14). Trong đó, mục tiêu của chặng đường đầu thời kỳ quá độ ở nước ta là: “thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định, vững chắc tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau” (Đảng Cộng sản Việt Nam 1991: 14-15). Tổng kết việc thực hiện mục tiêu của Đại hội VII, Cương lĩnh 1991 và căn cứ vào tình hình thực tế đất nước, Đại hội VIII (1996) khẳng định, nước ta đã “*ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng*”, *kết thúc chặng đường đầu tiên và bắt đầu bước vào chặng đường tiếp theo* của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội với nội dung trọng tâm là *đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020. Điều này cũng được nhấn mạnh lại ở Đại hội IX (2001) và Đại hội X (2006).*

Đại hội XI (2011) xác định: “xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày

càng phồn vinh, hạnh phúc” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2011: 71) là định hướng nhằm phát triển nhanh và bền vững đất nước. Theo đó, đến giữa thế kỷ XXI, Việt Nam cần phấn đấu trở thành “một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2011: 71). Mục tiêu này được Đại hội XII (2016) tiếp tục khẳng định, đồng thời chỉ rõ 12 nhiệm vụ tổng quát (Đảng Cộng sản Việt Nam 2016: 77). Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII về *hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* tiếp tục làm rõ hơn quan điểm, mục tiêu tổng quát và nhiệm vụ cụ thể cho từng giai đoạn hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đây thực chất là việc cụ thể hóa mục tiêu chung, đồng thời trực tiếp thực hiện mục tiêu của chặng đường tiếp theo của thời kỳ quá độ mà Cương lĩnh đã xác định.

*Thứ tư, về mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội, thể chế kinh tế, mô hình nhà nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.*

*Về mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:* từ 6 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong Cương lĩnh 1991, đến 8 đặc trưng ở Đại hội X (2006) và 8 đặc trưng trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011) (gọi tắt là Cương lĩnh 2011), mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta tập trung xây dựng,

hướng tới đã được bổ sung, toàn diện và hoàn chỉnh hơn. Trong đó, đặc trưng bao trùm, tổng quát là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2011: 70). Trong các đặc trưng về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, việc kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chủ nghĩa tư bản thể hiện rõ qua các đặc trưng về thể chế kinh tế và mô hình nhà nước (hai lĩnh vực quan trọng, ảnh hưởng quyết định nhất đến cấu trúc của một hình thái kinh tế - xã hội).

*Về đổi mới thể chế kinh tế*, Đại hội VI của Đảng chính thức khẳng định cản trở lại với quan điểm của V.I.Lênin về “*nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần*” trong thời kỳ quá độ. Thể chế kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được Đảng ta tập trung xây dựng, từng bước bổ sung, hoàn thiện. Nếu như từ Đại hội VI đến Đại hội VII, Đảng khởi thảo và tiến tới xác định trong *Cương lĩnh 1991*: “*nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần*” là đặc trưng cơ bản của thể chế kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thì đến *Cương lĩnh năm 2011* và Văn kiện Đại hội XII đã thống nhất xác định: “*thống nhất nhận thức nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước*” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2016: 5). Đại hội XIII (2021)

tiếp tục khẳng định và thống nhất định hướng: “*hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021: 114).

*Vấn đề mô hình nhà nước của xã hội xã hội chủ nghĩa* mà nhân dân ta xây dựng đã được nhận thức, bổ sung và phát triển qua nhiều kỳ đại hội. Khái niệm “*dân chủ*” và “*hệ thống chính trị*” được chính thức đưa vào văn kiện của Đảng ở Hội nghị Trung ương 3, khóa VI (1989), khái niệm “*Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*” trong Cương lĩnh 1991 và khái niệm “*Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*” chính thức được khẳng định ở Đại hội X (2006) là những bước phát triển trong nhận thức của Đảng về mô hình nhà nước ở Việt Nam. Điều này được tiếp tục khẳng định tại Đại hội XII (2016): “*hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và định hướng phát triển của Nhà nước; tạo môi trường thuận lợi cho sáng tạo, phát huy dân chủ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân*” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2016: 21). Đến đại hội XIII, Đảng ta tiếp tục xác định mô hình Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, từ quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, nhận thức của Đảng ta về thời kỳ quá độ đi lên chủ

nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn. Điều này chính là kết quả của quá trình đổi mới tư duy, tổng kết thực tiễn và sự vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam trong mỗi thời kỳ phát triển. Đại hội XIII của Đảng là một cột mốc quan trọng trong lịch sử Đảng, đánh dấu một quá trình hình thành, bổ sung, phát triển, cũng như đúc kết những vấn đề lý luận cơ bản, toàn diện về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong đó, lý luận về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin đã được Đảng ta trung thành và vận dụng sáng tạo không ngừng, đem lại những tư duy, nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; đồng thời, mở ra một thời kỳ phát triển mới của dân tộc Việt Nam trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là những nội dung quan trọng, thể hiện quan niệm về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khái quát lại một cách ngắn gọn, cô đọng và sâu sắc nhất về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. □

#### **Tài liệu trích dẫn**

1. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1995. *Toàn tập*. Tập 19. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1957. *Văn kiện Hội nghị Trung ương lần thứ 13, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II (12-1957)*.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1977. *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1986. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Hà Nội: Nxb. Sự Thật.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1991. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Hà Nội: Nxb. Sự Thật.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2001. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2011. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2016. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.

9. Nguyễn Phú Trọng. 2022. *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

10. Nguyễn Trọng Chuẩn, Phạm Văn Đức, Hồ Sĩ Quý (Đồng chủ biên). 1997. *Những quan điểm cơ bản của C.Mác - Ph.Ăngghen - V.I.Lênin về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

11. V.I.Lênin. 1977a. *Toàn tập*. Tập 39. Mátxcova: Nxb. Tiến Bộ.

12. V.I.Lênin. 1977b. *Toàn tập*. Tập 44. Mátxcova: Nxb. Tiến Bộ.